

BẢO ĐẢM QUYỀN VĂN HÓA TẠI CÁC KHU DI SẢN THẾ GIỚI - KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ MỘT SỐ GỢI Ý ĐỐI VỚI VIỆT NAM

Phạm Thị Thanh Hương*

Tóm tắt: Bài viết phân tích các kinh nghiệm quốc tế tiêu biểu trong việc bảo đảm quyền văn hóa tại các khu Di sản thế giới, nhằm rút ra một số gợi ý đối với Việt Nam trong bối cảnh hội nhập và phát triển bền vững. Dựa trên các trường hợp thực tiễn tại Thụy Sĩ, Australia, Nhật Bản và Malaysia, nghiên cứu cho thấy tiếp cận dựa trên quyền văn hóa giúp tăng cường sự tham gia thực chất của cộng đồng, bảo đảm công bằng, và nâng cao hiệu quả quản lý di sản. Việt Nam, với bối cảnh chính sách ngày càng chú trọng đến quyền con người và phát triển bền vững, có thể vận dụng linh hoạt các mô hình này để thúc đẩy vai trò chủ thể của cộng đồng tại các khu di sản. Bài viết đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm nâng cao nhận thức, cải thiện khung pháp lý và thiết kế bộ máy quản lý tinh gọn, hướng tới một mô hình bảo tồn di sản nhân văn, bao trùm và hiệu quả.

Từ khóa: Di sản thế giới, quyền văn hóa, cộng đồng địa phương, phát triển bền vững.

1. Đặt vấn đề

Việc bảo tồn các di sản thế giới đồng nghĩa với việc duy trì những giá trị nền tảng của con người, kết nối các thế hệ trong dòng chảy lịch sử liên tục của nhân loại. Luôn có không ít kỳ vọng rằng các di sản thế giới phải là những hình mẫu trong việc áp dụng những nguyên tắc phát triển bền vững vì sự tiến bộ của nhân loại (W. Logan và P. B. Larsen, 2018, tr. 8-12), và việc bảo vệ di sản thế giới hướng tới các mục tiêu bền vững “sẽ tạo ra cơ hội để con người hiểu biết thêm về di sản, được nhận các lợi ích từ di sản đem lại... góp phần vào việc đảm bảo quyền con người” (Nguyễn Viết Cường, 2025, tr. 35).

Việt Nam sớm phê chuẩn Công ước Di sản thế giới từ năm 1987 và tham gia ngày càng tích cực vào Công ước này, không

chỉ ở phương diện quan tâm và dành nguồn lực cho việc xây dựng các hồ sơ đề cử, công nhận di sản; mà đã và đang góp phần xây dựng các chính sách quốc tế và thúc đẩy các diễn đàn chia sẻ kinh nghiệm quốc tế. Đóng góp nổi bật của Việt Nam gần đây là việc cùng UNESCO đồng chủ trì tổ chức Hội nghị chuyên gia năm 2015 tại Ninh Bình, góp phần quan trọng cho việc hoàn chỉnh “Chính sách về việc lồng ghép quan điểm phát triển bền vững vào các quy trình của Công ước Di sản thế giới” (UNESCO, 2015) - được ban hành cùng năm. Việt Nam cũng chia sẻ một hình mẫu của quá trình nội luật hóa, hoàn thiện các văn bản pháp lý, cũng như khẳng định tính nhất quán trong chính sách phát triển, bảo đảm sự phát triển bền vững, hướng tới mục tiêu cuối cùng là “người dân thụ hưởng”.

Về mặt chính sách, việc bảo đảm quyền văn hóa và phát huy sức mạnh nội sinh

* ThS., Ban Văn hóa, Văn phòng Đại diện UNESCO tại Hà Nội.

của văn hóa là một chủ trương nhất quán trong định hướng của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Chủ trương nhất quán này cũng đã được cụ thể hóa trong Hiến pháp và các văn bản pháp luật. Hiến pháp năm 2013 không chỉ xác định rõ quyền văn hóa là một quyền con người cơ bản (Điều 14), mà xác định cụ thể quyền văn hóa bao gồm đầy đủ các phương diện trong đó có các quyền tiếp cận, tham gia, thụ hưởng, sáng tạo, thực hành (Điều 41). Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) được Quốc hội thông qua vào ngày 23 tháng 11 năm 2024, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025, có bước tiến quan trọng trong việc xác định rõ chủ thể văn hóa là cộng đồng, cá nhân và nhóm cá nhân, đồng thời phân định rõ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các chủ thể văn hóa (Điều 5).

Vấn đề đặt ra là, nhiều Di sản thế giới ở Việt Nam cũng như trên thế giới thường phải đối mặt với những thách thức gia tăng giữa bảo tồn và phát triển, đặc biệt là những khu di sản vừa có cư dân sống tại sinh sống trong vùng lõi, vừa đặt mục tiêu phát triển du lịch và kinh tế dựa vào di sản. Những năm gần đây, cùng với sự phát triển về kinh tế - xã hội và gia tăng về dân số, xuất hiện các nhu cầu ngày càng tăng của cư dân địa phương từ việc sử dụng, cải tạo không gian sống cho tới việc thực hành những tập quán, truyền thống văn hóa, hoạt động lễ hội và nhu cầu tiếp cận với những thành tố và không gian văn hóa có liên quan tại các di sản thế giới. Bên cạnh đó, áp lực mới từ quá trình phát triển kinh tế, sự gia tăng của khách du lịch, trong khi ở cấp độ quản lý trực tiếp các khu di sản còn thiếu cơ chế bảo đảm sự tham gia thực chất và bảo đảm chia sẻ lợi ích hài hòa giữa cộng đồng và các bên liên

quan. Điều này đã và đang tạo ra những tác động tiêu cực tới quyền văn hóa của cộng đồng địa phương.

Trong bối cảnh mới, Ủy ban Di sản thế giới, trong đó Việt Nam đang đảm nhận vai trò là một trong 21 thành viên nhiệm kỳ 2023-2027, đã yêu cầu việc tích hợp mạnh mẽ tiếp cận quyền văn hóa và sự tham gia của cộng đồng tại các di sản thế giới. Cụ thể tại Đoạn 12 Hướng dẫn thực hiện Công ước di sản thế giới quy định: “Các Quốc gia thành viên của Công ước cần ghi nhận cách tiếp cận dựa trên quyền con người, và đảm bảo sự tham gia cân bằng giới của nhiều thành phần liên quan và các chủ thể có quyền, bao gồm các nhà quản lý di tích, chính quyền cấp địa phương và cấp vùng, cộng đồng dân cư địa phương và người bản địa, các tổ chức phi chính phủ (NGOs) và các bên cùng đối tác khác có liên quan trong quá trình nhận diện, đề cử, quản lý và bảo vệ các di sản thế giới”. Đoạn 123 Hướng dẫn thực hiện Công ước Di sản thế giới tái khẳng định sự tham gia hiệu quả và bao trùm của cộng đồng địa phương và các bên liên quan “có ý nghĩa thiết yếu để họ chia sẻ trách nhiệm với quốc gia thành viên trong việc giữ gìn di sản” (UNESCO, 2024).

2. Kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới

2.1. Kinh nghiệm của Thụy Sĩ về bảo đảm quyền văn hóa tại di sản thế giới “Dãy Alps Jungfrau-Aletsch”

Dãy Alps Jungfrau-Aletsch ở Thụy Sĩ trở thành Khu di sản thiên nhiên thế giới UNESCO năm 2001 với các tiêu chí (vii) về giá trị thẩm mỹ cảnh quan thiên nhiên, tiêu chí (viii) về giá trị địa chất địa mạo và tiêu chí (ix) về giá trị môi trường sống đặc

hữu của các loài thông trên đỉnh núi tuyết (UNESCO, 2001). Khác với việc giá trị di sản văn hóa địa phương thường bị bỏ qua hoặc xem nhẹ tại một khu di sản thiên nhiên, chính quyền Thụy Sĩ thúc đẩy quyền tiếp cận và sử dụng truyền thống canh tác nông nghiệp của cư dân địa phương trong khu di sản, đặc biệt là trong hoạt động trồng trọt, chăn thả gia súc theo mùa và bảo tồn kiến trúc truyền thống. Cộng đồng vẫn được phép duy trì các lễ hội, nghi lễ và phong tục bản địa gắn liền với thiên nhiên và chu kỳ mùa vụ. Thụy Sĩ cũng phát triển các chương trình giáo dục di sản văn hóa và du lịch bền vững, trong đó người dân địa phương tham gia và được hỗ trợ đào tạo, đăng ký làm hướng dẫn viên di sản, chia sẻ kiến thức văn hóa địa phương với du khách quốc tế. Điều này vừa mang lại thu nhập kinh tế, vừa góp phần gìn giữ di sản văn hóa phi vật thể và nâng cao nhận thức cộng đồng.

Thành công của Thụy Sĩ trong mô hình quản lý khu di sản này còn ở việc xây dựng cơ chế quản lý phân cấp, có quy định rõ trách nhiệm của 4 bên tham gia quản lý: chính quyền (gồm Chính phủ Liên bang Thụy Sĩ và chính quyền 2 bang địa bàn di sản là Valais và Bern), cộng đồng, tổ chức phi chính phủ và các nhà khoa học. Trong mô hình này, Chính phủ Liên bang Thụy Sĩ xây dựng khung pháp lý quốc gia, đặc biệt liên quan đến di sản văn hóa, môi trường và quyền của các cộng đồng thiểu số, cung cấp tài chính và chuyên môn cho các dự án bảo tồn; Chính quyền các bang Valais và Bern là những địa phương trực tiếp quản lý phần lớn diện tích khu di sản, có thẩm quyền trong lập kế

hoạch sử dụng đất, cấp phép phát triển du lịch, và điều phối hoạt động bảo tồn phù hợp với ngữ cảnh văn hóa - xã hội của từng khu vực; Cộng đồng dân cư được trao quyền tham gia vào quá trình ra quyết định, nhất là những vấn đề liên quan đến sinh kế, tập tục văn hóa, và phát triển bền vững. Họ quyết định duy trì truyền thống chăn thả gia súc theo mùa, sử dụng bãi chăn thả truyền thống, và tổ chức các lễ hội địa phương trong khu di sản. Các tổ chức khoa học và phi chính phủ thực hiện chức năng nghiên cứu, cung cấp dữ liệu, giám sát sự biến đổi môi trường và văn hóa, đề xuất giải pháp bền vững. Một cơ quan điều phối được thành lập có chức năng như Ban quản lý là Quỹ Jungfrau-Aletsch, có mô hình nhỏ gọn chỉ gồm 15 nhân viên chịu trách nhiệm xây dựng và giám sát kế hoạch quản lý di sản, điều phối hoạt động với tất cả các bên liên quan, trong đó có một bộ phận phụ trách hoạt động tổ chức và hỗ trợ các thực hành văn hóa của người dân địa phương (Quỹ Jung Frau - Aletsch, 2024).

Với mô hình này, Thụy Sĩ cũng là một quốc gia thành viên UNESCO cổ vũ mạnh mẽ cho việc bảo tồn cảnh quan văn hóa, theo đó thiên nhiên và văn hóa có mối liên kết tương hỗ chặt chẽ không thể tách rời. Nỗ lực của chính quyền và các bên liên quan ở Di sản thế giới "Dãy Alps Jungfrau-Aletsch" được UNESCO đánh giá là một hình mẫu quản lý di sản thiên nhiên - văn hóa hiệu quả và toàn diện, đảm bảo sự hài hòa giữa bảo tồn thiên nhiên và duy trì văn hóa truyền thống, tăng cường tính minh bạch và đồng thuận xã hội trong quá trình quản lý di sản.

2.2. Kinh nghiệm của Australia về bảo đảm quyền văn hóa tại di sản thế giới Vườn quốc gia Uluru-Kata Tjuta

Australia là một trong những quốc gia tiên phong ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương trong việc kết hợp quản lý di sản thiên nhiên với việc bảo vệ quyền văn hóa của các cộng đồng bản địa. Vườn quốc gia Uluru-Kata Tjuta, được UNESCO công nhận là Di sản thế giới hỗn hợp năm 1987 với các tiêu chí (v), (vi) về cảnh quan văn hóa và truyền thống sinh sống, tương tác lâu đời của người bản địa với thiên nhiên, tiêu chí (vii) về giá trị thẩm mỹ của cảnh quan thiên nhiên và tiêu chí (viii) về địa chất, địa mạo. Khu di sản này được biết đến như một ví dụ tiêu biểu cho thành công trong mô hình đồng quản lý (UNESCO, 1987). Trong cơ chế quản lý chung dựa vào cộng đồng, tri thức truyền thống (Tjukurpa) của người Anangu như dùng lửa có kiểm soát để canh tác và chống cháy rừng, quy tắc chia sẻ tài nguyên, niềm tin và nghi thức với các ngọn núi thiêng, được tôn trọng và làm nguyên tắc cho quản lý và diễn giải di sản. Một ví dụ cụ thể là việc cấm leo núi Uluru được đưa vào trong kế hoạch quản lý khu di sản từ năm 2019 theo đề nghị của người Anangu vì lý do tâm linh. Việc ghi nhận quyền văn hóa của cộng đồng địa phương ở khu di sản này không chỉ ở việc đảm bảo quyền tiếp cận, tham gia, mà đặc biệt là ở phương diện duy trì, thực hành và diễn giải ý nghĩa của khu di sản. Nhận diện và tôn trọng diễn giải của cộng đồng địa phương về ngọn núi thiêng Uluru cũng góp phần quan trọng trong việc thiết lập mối quan hệ tôn trọng lẫn nhau giữa khách du lịch và cộng đồng địa phương, và tác động tích cực tới thái độ của khách

du lịch trong việc ứng xử có trách nhiệm hơn với di sản.

Kinh nghiệm thực hành tốt ở khu di sản này có thể mang lại bài học tham khảo có giá trị đối với các khu di sản thiên nhiên có các cộng đồng cư dân sở tại sinh sống lâu đời ở Việt Nam, như ở Vườn Quốc gia Phong Nha Kẻ Bàng. Tri thức, tín ngưỡng của các cộng đồng người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng lõi của khu di sản (tộc người Arem dân tộc Chứt và người Ma Coong dân tộc Bru-Vân Kiều) có tiềm năng mang lại những hiểu biết sâu sắc và diễn giải ý nghĩa về hệ thống hang động và các giá trị thiên nhiên, vốn hiện nay chỉ được nhận diện từ các giá trị địa chất và đa dạng sinh học.

2.3. Kinh nghiệm của Nhật Bản về chương trình bảo tồn dựa vào cộng đồng tại Di sản thế giới Shirakawa-go và Gokayama

Các ngôi làng lịch sử Shirakawa-go và Gokayama ở Nhật Bản được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa thế giới năm 1995 với các tiêu chí (iv) về truyền thống định cư lâu đời của con người và đặc điểm thích nghi với tự nhiên, và tiêu chí (v) về cấu trúc xã hội làng xã tiêu biểu vượt thời gian (UNESCO, 1995), là một ví dụ nổi bật cho cách tiếp cận di sản sống tại đô thị lịch sử. Các ngôi làng cổ với kiến trúc đặc trưng nhà tranh mái dốc kiểu gasshō-zukuri, được xây dựng hoàn toàn bằng phương pháp truyền thống, phù hợp với điều kiện khí hậu và sinh hoạt của người dân vùng núi tuyết. Chính phủ Nhật Bản cùng chính quyền địa phương đã triển khai mô hình bảo tồn dựa vào cộng đồng lấy người dân địa phương làm trung tâm. Cư dân địa phương sinh sống và sử dụng nhà gasshō-zukuri làm nơi ở đặc trưng vùng nông thôn và cả nơi làm dịch vụ du lịch.

Để giải quyết thách thức và nguy cơ từ phát triển du lịch và chi phí duy tu các ngôi nhà cổ, Nhật Bản áp dụng chính sách hỗ trợ tài chính, kỹ thuật và đào tạo để người dân tự chủ trong việc duy tu, bảo trì nhà truyền thống, kết hợp với cơ chế truyền nghề qua các thế hệ trong cộng đồng. Đồng thời, quyền được thể hiện và truyền dạy nghi lễ dân gian, thủ công mỹ nghệ và lễ hội truyền thống cũng được bảo đảm thông qua hệ thống nhận diện và kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể quốc gia và địa phương. Một cơ chế hỗ trợ hiệu quả là Chương trình cải tạo và bảo trì nhà truyền thống (vốn rất tốn kém) do Chính phủ Nhật Bản và chính quyền tỉnh Gifu (đối với Shirakawa-go) và tỉnh Toyama (đối với Gokayama) triển khai, giúp người dân bản địa có đủ điều kiện duy trì cuộc sống và bảo tồn kiến trúc di sản mà không phải rời bỏ quê hương. Cụ thể các hỗ trợ bao gồm trợ cấp trực tiếp từ 50% đến 90% chi phí sửa chữa mái nhà gasshō-zukuri. Bên cạnh việc hỗ trợ tài chính, chính quyền tổ chức hướng dẫn kỹ thuật và đào tạo nghề truyền thống, tập huấn về kỹ thuật lợp mái tranh, bảo trì khung gỗ, chống cháy và bảo vệ nhà trước thời tiết khắc nghiệt. Một điểm đặc biệt nữa là chính quyền khuyến khích cơ chế tổ chức cộng đồng *Yui* (助け合い), một hình thức người dân tự nguyện giúp nhau thay mái nhà, sửa chữa, và tổ chức lễ hội truyền thống, và chính quyền sẽ hỗ trợ khi cộng đồng tổ chức hoạt động này. Mặc dù đặt mục tiêu phát triển và thu hút du lịch, nhưng giữa cộng đồng địa phương và du khách thì cộng đồng luôn ở vị trí ưu tiên trong mọi chính sách, từ tiếp cận khu di sản, hạn chế khách du lịch khi có nguy cơ ảnh hưởng tới sinh hoạt của dân cư.

2.4. Kinh nghiệm của Malaysia trong mô hình quản trị di sản cộng đồng tại Di sản thế giới George Town

Khu đô thị lịch sử George Town là Di sản văn hóa thế giới được UNESCO công nhận năm 2008 với các tiêu chí (ii), (iii), và (iv) về văn hóa, nổi tiếng là một quần thể đô thị đa văn hóa, đa sắc tộc bậc nhất Đông Nam Á với ba cộng đồng lớn nhất là người Hoa, người Ấn, và người Mã Lai bản địa. Chính quyền bang Penang đã áp dụng “Mô hình quản trị di sản cộng đồng”, trong đó người dân địa phương đóng vai trò trung tâm trong việc bảo tồn di sản văn hóa, từ kiến trúc nhà cổ đến lễ hội, nghệ thuật truyền thống và ẩm thực đặc trưng (UNESCO, 2008).

Cách tiếp cận này được cụ thể hóa trong các chính sách về quản trị di sản cộng đồng và hỗ trợ tài chính, kỹ thuật trong Kế hoạch Khu vực Đặc biệt (Special Area Plan - SAP) dành cho Di sản thế giới George Town (GTWHI, 2011). Kế hoạch SAP được soạn thảo bởi Sở Kế hoạch Nông thôn và Thành thị bang Penang, phối hợp với Cục Di sản Quốc gia, Ban quản lý di sản Penang và George Town (GTWHI). Mục tiêu của kế hoạch là bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa của George Town thông qua việc quản lý hiệu quả và sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương.

Khu di sản này cũng phải đối diện với những thách thức tương tự Di sản văn hóa thế giới Khu phố cổ Hội An (Việt Nam) như áp lực đô thị hóa và sự lấn át của nhiều loại hình kinh doanh, hoạt động kinh tế mới như khu vui chơi giải trí lấn át cảnh quan văn hóa của khu đô thị lịch sử. Kế hoạch hành động đặc biệt của khu di sản đã huy động sự tham gia của cộng đồng để xây dựng những quy định rất chi

tiết. Cụ thể, để bảo vệ lối sống, môi trường và cảnh quan, 24 hoạt động do cộng đồng liệt kê không được cấp phép trong vùng lõi của khu phố di sản. Kế hoạch này cũng cấm hoàn toàn các nhà nuôi chim yến, bãi đậu xe, các cửa hàng ăn nhanh, dịch vụ giải trí ồn ào (bowling, karaoke, sàn đấu bi-da và sòng bạc). Đồng thời, chính quyền thực hiện quy hoạch không gian vùng ven bờ sông dành cho các loại hình hoạt động và kinh doanh tài chính, thương mại, cầu cảng, kinh doanh, du lịch và giải trí, và các khu vực đặc biệt. Chính quyền Malaysia cũng thực hiện chương trình “Heritage Traders of George Town” (Thương nhân Di sản của of George Town) từ năm 2014, nhằm hỗ trợ các cửa hàng truyền thống trong phố cổ đã tồn tại qua nhiều thế hệ như tiệm thuốc Bắc, tiệm may mặc, quán ăn gia truyền (GTWHI, 2014). Các địa chỉ này được cấp chứng nhận và tích cực quảng bá thông qua du lịch văn hóa. Chủ nhân các ngôi nhà và cửa tiệm truyền thống cũng được hỗ trợ chi phí bảo tồn mặt tiền kiến trúc, trưng bày và tham gia các chương trình đào tạo. Bên cạnh hỗ trợ tài chính và kỹ thuật cho việc tu bổ các công trình kiến trúc cổ thuộc sở hữu tư nhân, chính quyền cũng khuyến khích các sáng kiến cộng đồng như việc mở cửa các ngôi nhà di sản để tổ chức các hội thảo, trưng bày, tọa đàm chuyên đề, hợp tác làm không gian biểu diễn và các tour du lịch văn hóa do người dân địa phương hướng dẫn.

3. Bài học kinh nghiệm và một số gợi ý cho các Di sản thế giới ở Việt Nam

3.1. Bài học kinh nghiệm

Từ thực tiễn tại một số quốc gia trong việc bảo đảm quyền văn hóa của cộng đồng

địa phương tại các khu Di sản thế giới, có thể rút ra một số kinh nghiệm dưới đây.

Thứ nhất, việc huy động sự tham gia của cộng đồng dựa trên cách tiếp cận quyền và tôn trọng quyền văn hóa của cộng đồng địa phương có tác động tích cực đối với mô hình tinh gọn và hiệu quả của các bộ máy quản lý Di sản thế giới. Cơ chế đồng quản lý ở Thụy Sĩ và Australia giúp cho chính quyền tiết kiệm đáng kể nguồn kinh phí và nhân sự cho việc bảo tồn, chẳng hạn như Hội đồng quản lý khu di sản Vườn quốc gia Uluru-Kata Tjuta chỉ có 12 thành viên, trong đó có 04 nhân sự của chính quyền bổ nhiệm và 8 nhân sự là đại diện có uy tín do cộng đồng bầu ra. Tại Thụy Sĩ, sự tham gia của cộng đồng và phân chia nhiệm vụ giữa bốn bên liên quan chính cũng góp phần giúp cơ quan trung tâm điều phối di sản là Quỹ Jungfrau-Aletsch chỉ có tổng cộng 15 nhân sự phụ trách 05 phòng ban chuyên môn khác nhau, bao gồm cả giám đốc. Tại Khu di sản đô thị lịch sử George Town ở Malaysia, cơ quan quản lý di sản là GTWHI (George Town World Heritage Incorporated) chỉ có tổng số 30 nhân sự bao gồm ban giám đốc và các chuyên gia phụ trách chuyên môn.

Thứ hai, việc điều chỉnh các quy định quản lý tích hợp với tiếp cận quyền văn hóa của cộng đồng địa phương có tác động tích cực đối với việc nâng cao nhận thức của cả cộng đồng và công chúng về tính chân thực của di sản và thúc đẩy sự tôn trọng trong việc diễn giải di sản. Điển hình là trường hợp Vườn quốc gia Uluru - Kata Tjuta ở Australia, quy định hạn chế du khách leo lên núi thiêng đã gia tăng trải nghiệm và sự trân trọng của du khách với khu di sản, bởi về phương diện vật chất,

ngọn núi này chủ yếu được kiến tạo từ đất, giá trị của di sản không nằm ở vật liệu hoặc cảnh quan ở cự ly gần. Khi đặt mục tiêu phát triển du lịch tại các Di sản thế giới, không nhất thiết phải loại bỏ tất cả mọi quy định để tạo thuận lợi nhất cho du khách. Ngược lại, có những quy định và hạn chế với việc đặt sự tôn trọng quyền văn hóa của cộng đồng địa phương lên trên sẽ nhận được hiệu ứng tích cực về lâu dài của cả người dân và du khách.

Thứ ba là cách tiếp cận dựa trên quyền văn hóa của cộng đồng có ý nghĩa to lớn trong việc cân bằng giữa các giá trị nổi bật toàn cầu và giá trị văn hóa địa phương, tạo cơ sở vững chắc cho việc bảo vệ lợi ích của cộng đồng địa phương, các truyền thống và giá trị văn hóa bản địa trong khi vẫn bảo vệ được các giá trị nổi bật toàn cầu. Kinh nghiệm của Thụy Sĩ cho thấy chính quyền và cộng đồng không từ bỏ truyền thống canh tác, chăn thả gia súc theo mùa tại vùng lõi của một khu di sản thiên nhiên thế giới.

3.2. Vận dụng kinh nghiệm quốc tế vào việc bảo đảm quyền văn hóa tại các khu Di sản thế giới ở Việt Nam

Quyền văn hóa là một phần không thể tách rời trong quyền cơ bản của con người, không chỉ được khẳng định trong các Công ước quốc tế mà Việt Nam đã tích cực tham gia mà đã được khẳng định nhất quán trong chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta qua các thời kỳ và được luật hóa trong hệ thống pháp lý quốc gia. Việc nhận diện đầy đủ và bảo đảm quyền văn hóa của cá nhân, cộng đồng có “ý nghĩa quan trọng trong việc hướng tới mục tiêu phát triển bền vững... góp phần vào việc bảo đảm quyền con

người” (Nguyễn Viết Cường, 2025) và định hình “những chính sách phù hợp bảo đảm nhiệm vụ trọng tâm căn bản của Nhà nước và các cơ quan văn hóa nghệ thuật” (Bùi Hoài Sơn, 2010).

Thực tiễn quản lý các Di sản thế giới ở Việt Nam cho thấy, các Di sản thế giới ở Việt Nam được UNESCO công nhận thời gian qua đã và đang trở thành nguồn lực quan trọng cho phát triển bền vững của quốc gia, đặc biệt là sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế - xã hội tại các địa phương có di sản, và thường được nhắc đến như biểu tượng văn hóa với niềm tự hào. Hiện nay, Việt Nam đã có 08 Di sản thế giới được UNESCO công nhận với các giá trị nổi bật toàn cầu đã được chứng minh khoa học (1). Đây là “những tài sản độc nhất và không thể thay thế được, có ý nghĩa đặc biệt cần thiết phải bảo tồn vì lợi ích của toàn thể nhân loại” (UNESCO 1972), được coi là hình mẫu cho việc thực hiện những chính sách tiến bộ của quốc gia và thế giới trong việc bảo vệ các giá trị di sản và phát huy vai trò của di sản và văn hóa đối với phát triển bền vững.

Thực tiễn ở Việt Nam thời gian qua cho thấy, các Di sản thế giới đã và đang trở thành những nguồn lực quan trọng đóng góp vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội thông qua thúc đẩy tăng trưởng du lịch bền vững và phát triển các chuỗi giá trị, sự đa dạng của sinh kế và kinh tế địa phương. Hầu hết các Di sản thế giới mang lại sự biến đổi ấn tượng của bản đồ du lịch Việt Nam: Khu phố cổ Hội An, Quần thể danh thắng Tràng An, Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, Vịnh Hạ Long - Quần đảo Cát Bà, Quần thể di tích Cố đô Huế... đều trở thành những điểm đến du lịch trọng điểm, thu hút hàng triệu lượt khách mỗi

năm. Việc UNESCO công nhận các di sản thế giới cũng thúc đẩy sự phát triển các ngành nghề thủ công truyền thống, sản phẩm và các dịch vụ vùng di sản.

Qua tìm hiểu về việc bảo đảm quyền văn hóa tại di sản thế giới ở một số quốc gia nói trên, để áp dụng vào thực tiễn của Việt Nam, bước đầu tác giả xin đưa ra một số giải pháp nhằm phát huy hơn nữa việc quản lý và phát triển bền vững tại các di sản thế giới ở Việt Nam.

Trước hết, để thu hẹp khoảng cách giữa những tiến bộ trong chính sách, văn bản pháp lý với thực tiễn, cần nâng cao nhận thức về quyền văn hóa - bao gồm quyền tiếp cận, duy trì, phát triển và truyền dạy văn hóa - là nền tảng để thúc đẩy sự tham gia chủ động, có ý nghĩa của cộng đồng trong quản lý di sản. Việc nâng cao nhận thức về quyền văn hóa tại các khu di sản thế giới cần được thực hiện ở nhiều cấp độ: Ở cấp quốc gia, cần đẩy mạnh các nghiên cứu và thảo luận khoa học để làm rõ các khái niệm về quyền văn hóa cùng với các quyền cơ bản của con người và nhận diện đây chính là các nguyên tắc cho tính chính danh, tiến bộ của chính thể quản lý. Ở cấp chính quyền địa phương và hệ thống quản lý di sản thế giới cần đẩy mạnh việc lồng ghép quyền văn hóa trong các chính sách bảo tồn và phát triển du lịch di sản. Trong bối cảnh phát triển nhanh của du lịch tại các điểm di sản, cần đặt ưu tiên trong việc nhận diện những rủi ro hoặc tác động tiêu cực của các quyết định quản lý đối với các nhóm yếu thế, đặc biệt là quyền tiếp cận văn hóa của họ tại khu di sản. Ở cấp cộng đồng, cần tổ chức các chương trình truyền thông, giáo dục và đối thoại nhằm nâng cao hiểu biết

của người dân về vai trò chủ thể văn hóa của họ.

Thứ hai, Công ước Di sản thế giới của UNESCO không áp đặt một mô hình quản lý cụ thể nào (UNESCO, 2024, Đoạn 108). Kinh nghiệm quốc tế ở các trường hợp trên đây hầu hết đều có hình thức hệ thống tinh gọn, trong đó các đơn vị quản lý đặt ưu tiên cho nhiệm vụ điều phối hoạt động với các bên liên quan thay vì xây dựng một ban quản lý Di sản thế giới để tự thực hiện tất cả mọi nhiệm vụ. Trong bối cảnh cải cách hành chính mạnh mẽ tại Việt Nam hiện nay, một hướng đi hiệu quả là xây dựng mô hình quản lý tinh gọn gồm một đơn vị chuyên trách ở địa phương, có thẩm quyền rõ ràng trong việc quản lý, giám sát các hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị của di sản thế giới và điều phối các hoạt động hợp tác với các bên liên quan.

Thứ ba, để đưa các quan điểm chính sách và chủ trương của Đảng và Nhà nước ta về bảo đảm quyền con người, bao gồm quyền văn hóa, vào thực tiễn tại các khu di sản thế giới, cần nghiên cứu xây dựng nội dung một chương riêng về bảo đảm quyền của cộng đồng trong quá trình cập nhật các Kế hoạch quản lý di sản thế giới thời gian tới.

Thay lời kết

Việc thúc đẩy và bảo đảm quyền văn hóa của cộng đồng tại các khu di sản thế giới không chỉ là yêu cầu mang tính nhân văn, mà còn là điều kiện tiên quyết để bảo tồn di sản một cách bền vững và có ý nghĩa. Trong bối cảnh hiện nay, khi nhiều khu di sản đang đối mặt với các áp lực từ phát triển du lịch, đô thị hóa và biến đổi xã hội, quyền văn hóa cần được đặt vào trung tâm của các chiến lược bảo tồn - không chỉ với tư cách là một giá trị cần

được bảo vệ, mà còn là nền tảng để cộng đồng tiếp tục vai trò chủ thể văn hóa, duy trì thực hành và bồi đắp giá trị của di sản.

Những kinh nghiệm quốc tế cho thấy cách tiếp cận dựa trên quyền văn hóa không chỉ góp phần bảo đảm công bằng, mà còn nâng cao hiệu quả quản lý, củng cố tính chân thực và khả năng thích ứng lâu dài của các khu di sản. Các bài học này đồng thời phản ánh xu hướng chung trong việc thực hiện các cam kết của cộng đồng quốc tế với các giá trị phổ quát và chính sách chung đã được cùng kiến tạo và thông qua trong cơ chế hợp tác với UNESCO, trong đó quyền văn hóa được xác định là nền tảng để đạt được các mục tiêu phát triển bền vững.

Bảo tồn di sản thế giới trong thế kỷ XXI không chỉ là việc “lưu giữ quá khứ”, mà còn là quá trình kiến tạo tương lai trên nền tảng của sự công nhận, tôn trọng và chia sẻ quyền văn hóa của tất cả các cộng đồng, đặc biệt là những người đã và đang sống cùng di sản.

Tại Việt Nam, việc cập nhật, ban hành Luật Di sản văn hóa 2024 cùng với việc xây dựng các công cụ hướng dẫn thực hiện và quá trình cải cách bộ máy hành chính quản lý là cơ hội quan trọng để nâng cao nhận thức và thúc đẩy việc bảo đảm quyền văn hóa trong quản lý di sản. Điều này đòi hỏi sự gắn kết giữa tư duy bảo tồn “vật thể” với tiếp cận lấy con người làm trung tâm, tăng cường hơn nữa sự tham gia của cộng đồng và các bên liên quan trong quản lý di sản. Bảo đảm và thúc đẩy việc thực hiện quyền văn hóa tại các khu di sản thế giới cũng chính là một phần của chiến lược bảo tồn di sản bền vững, khi người dân cảm thấy di sản gắn liền với sinh kế và bản sắc của

mình, họ sẽ có động lực và trách nhiệm trong việc bảo tồn một cách bền vững. Với việc thực hiện chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước ta, theo đó, khung chính sách tiến bộ, hệ thống pháp lý đang được ngày càng hoàn thiện, việc tham khảo các thực hành tốt trên thế giới, Việt Nam hoàn toàn có thể phát huy vai trò tiên phong trong việc xây dựng mô hình bảo tồn di sản gắn với quyền văn hóa - nhân văn, bao trùm và bền vững./.

P.T.T.H

1. Hiện nay Việt Nam đã có 8 Khu di sản thế giới được UNESCO công nhận, là: Quần thể di tích cố đô Huế (1993, tiêu chí iv); Vịnh Hạ Long - Quần đảo Cát Bà (1994, 2000, 2023 các tiêu chí vii, viii); Khu Đô thị cổ Hội An (1999, tiêu chí ii, v); Thánh địa Mỹ Sơn (1999, tiêu chí ii, iii); Vườn Quốc gia Phong Nha Kẻ Bàng (2003, 2015, tiêu chí viii, ix, x); Khu trung tâm Hoàng Thành Thăng Long - Hà Nội (2010, tiêu chí ii, iii, vi); Thành nhà Hồ (2011, tiêu chí ii, iv); Quần thể danh thắng Tràng An (2014, tiêu chí v, vii, viii).

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Viết Cường (2025), “Quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị các di tích, danh lam thắng cảnh, Di sản thế giới ở Việt Nam theo định hướng phát triển bền vững”, Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa, số 4 (50), tr. 35.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Nghị quyết 03-NQ/TW ngày 16/7/1998 về xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2014), *Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*. Hà Nội.
4. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.

5. GTWHI (2014), *Penang's living legacy: heritage Traders of George Town*, (Di sản sống của Penang: Những thương nhân di sản của phố cổ George Town), Penang: 5-80.
6. GTWHI (2011), *Conservation Management Plan and Special Area Plan*, (Kế hoạch Quản lý bảo tồn và quy hoạch khu vực đặc biệt), <https://whc.unesco.org/en/list/1223/documents/>
7. Logan, W. và Larsen, P.B. (2018), *World heritage and sustainable development - new directions in world heritage management* (Di sản thế giới và phát triển bền vững - Những xu hướng mới trong quản lý di sản thế giới), Routledge, London and New York: 8-12.
8. Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) 2024.
9. Bùi Hoài Sơn (2010), “Bàn về khái niệm quyền văn hóa”, Tạp chí *Thế giới Di sản*, số 3-2010.
10. Swiss Alps Jungfrau-Aletsch Foundation (2024), *Rapport Périodique Cycle III, section II* (Báo cáo định kỳ chu kỳ III, mục II), <https://whc.unesco.org/en/list/1037/documents/>
11. UNESCO (1972), *Convention concerning the protection of the world cultural and natural heritage*, (Công ước về Bảo vệ Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới), Paris.
12. UNESCO (1987), *Nomination file 447 - Uluru-Kata Tjuta National Park*, (Hồ sơ đề cử số 447 - Vườn Quốc gia Uluru-Kata Tjuta), <https://whc.unesco.org/en/list/447/>
13. UNESCO (1995), *Nomination file 734 - historic villages of Shirakawa-go and Gokayama*, (Hồ sơ đề cử số 734 - Các ngôi làng cổ Shirakawa-go và Gokayama), <https://whc.unesco.org/en/list/734/>
14. UNESCO (2001), *Nomination file 1037 - Swiss Alps Jungfrau-Aletsch* (Hồ sơ đề cử số 1037 - Dãy núi Alps Jungfrau-Aletsch Thụy Sĩ). <https://whc.unesco.org/en/list/1037/documents/>
15. UNESCO (2008), *Nomination file 1223 - Melaka and George town, historic cities of the straits of Malacca*, (Hồ sơ đề cử số 1223 - Khu phố cổ Melaka và George Town), <https://whc.unesco.org/en/list/1223/>.
16. UNESCO (2015), *Policy document for the Integration of a sustainable development Perspective into the Processes of the world heritage convention* (Chính sách về lồng ghép các phương diện phát triển bền vững vào các quy trình của Công ước Di sản thế giới), Paris.
17. UNESCO (2024), *The operational guidelines for the implementation of the world heritage convention* (Hướng dẫn thực hiện Công ước Di sản thế giới), <https://whc.unesco.org/en/guidelines/>

Phạm Thị Thanh Hương: Ensuring cultural rights at world heritage sites - International experience and some suggestions for Viet Nam

The writing analyzes international good practices in ensuring cultural rights at World Heritage sites, aiming to draw some suggestions for Viet Nam in the context of integration and sustainable development. Based on the real cases in Switzerland, Australia, Japan and Malaysia, the study shows that a cultural rights-based approach strengthens the substantive participation of the community, ensures fairness, and improves the effectiveness of the heritage management. With policies increasingly focusing on human rights and sustainable development, Viet Nam can adopt this model in a flexible way to promote the role of the community as an actor at heritage sites. The writing proposes specific solutions to raise public awareness, improve the legal framework and design a streamlined management mechanism towards a model of humanity, inclusive and effective heritage conservation.

Keywords: World heritage, cultural rights, local communities, sustainable development.